

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v: “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tư.

2. Ông Quách Đình Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Hải U, sinh năm 1989;

Địa chỉ: E L, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1982;

HKTT: Thôn A, xã I, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Đăng ký tạm trú và chỗ ở: 524 L, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Hải U trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Tất T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 20/5/2013.

Trong quá trình chung sống chúng tôi thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, chúng tôi đã sống ly thân với nhau 05 năm. Nay tôi nhận thấy mâu

thuần đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016. Hiện nay các con đang ở với tôi, ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Tất T. Tuy nhiên, anh Nguyễn Tất T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Hải U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử; Về hôn nhân: Chị Bùi Hải U được ly hôn anh Nguyễn Tất T. Về con chung: giao cho chị Bùi Hải U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016, cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Bùi Hải U và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Nguyễn Tất T có nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở tại E L, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku,

tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh Nguyễn Tất T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Tất T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Hải U và anh Nguyễn Tất T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 20/5/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị U trình bày, trong quá trình chung sống giữa chị và anh T thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp và hiện nay cả hai người đã ly thân được 05 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay chị U nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị U và anh T đã xảy ra trong thời gian dài, tính đến nay chị U và anh T đã ly thân 05 năm nhưng cả hai người không có thiện chí hoặc biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân, không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng.

Đối với anh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để đến Tòa án tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị U nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với chị U hay không. Tại phiên toà chị U khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T, nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị U về việc ly hôn anh T là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Bùi Hải U và anh Nguyễn Tất T có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016. Ly hôn chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Xét thấy, các con hiện nay đều đang ở với mẹ là chị U và đồng thời các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Mặt khác, do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xác định được ý kiến của anh T như thế nào về việc nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U về con chung. Giao cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016, cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị U không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị U phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Hải U.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Hải U được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Hải U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Hải U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 000649 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Hà

Pleiku, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn T1 và ông Quách Đình H1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 674/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Hải U, sinh năm 1989;

Địa chỉ: E L, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1982;

HKTT: Thôn A, xã I, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk.

Đăng ký tạm trú và chỗ ở: 524 L, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên;

2. Về yêu cầu của đương sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Hải U.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Hải U được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

2.2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Hải U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Nguyên Đ, sinh ngày 29/01/2014 và Nguyễn Bùi Nguyên A, sinh ngày: 22/4/2016 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Hải U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền yêu cầu Thi hành án:

Chị Bùi Hải U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 000649 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Hà

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Hà